TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/HNGĐ- ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH,
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Đặng Đình Hiền

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh P

Ông Hoài Đức Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2022/TLST - HNGĐ ngày 05/12/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 573/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 597/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dư C P**, sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp 5, xã VA, huyện NH, tỉnh Cà Mau.
Tạm trú: khu phố Phước Hiệp, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Trần H T**, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp 5, xã VA, huyện NH, tỉnh Cà Mau.
Tạm trú: ấp Trầu, xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 9/11/2022, bản tự khai ngày 12/12/2022, các lời khai tiếp theo có tại hồ sơ nguyên đơn chị Dư C P trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 191 ngày 03/12/2007.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã không có tiếng nói chung và không tin tưởng nhau về vấn đề tiền bạc. Do mâu thẫn trầm trọng nên chị và anh T đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị P khai có 02 con chung tên là Trần p Nhung, sinh ngày 24/11/2008 và Trần Khánh Nguyên, sinh ngày 24/05/2011. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhung và cháu Nguyên, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (02 cháu tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị P xin được vắng mặt tại buổi xét xử.

**** Bị đơn anh T được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có lời trình bày của anh T.***

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*:

Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị P và anh T theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P cho chị P được ly hôn với anh T. Giao con chung cháu Trần P Nhung, sinh ngày 24/11/2008 và Trần Khánh Nguyên, sinh ngày 24/05/2011 cho chị P nuôi dưỡng; Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (02 cháu tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng). Về tài sản chung và nợ chung: Chị P khai không có nên không xét.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Những kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị P vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự nhưng anh vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị P và anh T theo quy định.

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện ngày 9/11/2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Dư C P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T và yêu cầu giao 02 con chung là cháu Trần P Nhung, sinh ngày 24/11/2008 và Trần Khánh Nguyên, sinh ngày 24/05/2011 cho chị P nuôi dưỡng; Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (02 cháu tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng). Xét thấy chị P và anh T chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 191 ngày 03/12/2007, vì vậy căn cứ Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung".

[2]. Về Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dư C P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần H T.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thiền thì địa P không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị P và anh T. Anh Trần H T hiện tại đang sinh sống tại địa chỉ: ấp Trầu, xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng chị đoàn tụ nhưng anh T vẫn không đến Tòa mà không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho vợ chồng anh T và chị P đoàn tụ. Qua ý kiến của chị P thể hiện chị P và anh T chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là cháu Trần P Nhung, sinh ngày 24/11/2008 và Trần Khánh Nguyên, sinh ngày 24/05/2011. Căn cứ vào tài liệu Tòa án thu thập được trong hồ sơ và lời khai của chị P xác định chị P và anh T có 02 con chung là cháu Trần P Nhung, sinh ngày 24/11/2008 và Trần Khánh Nguyên, sinh ngày 24/05/2011. Hiện 02 con chung là cháu Nhung và cháu Nguyên đang sống cùng chị P. Tại đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo của mình, chị P tiếp tục giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nhung và cháu Nguyên, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (02 cháu tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng). Xét thấy, yêu cầu của chị P về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (02 cháu tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng) là có căn cứ chấp nhận vì hiện tại 02 con chung đang ở với chị P nên cần giao 02 con chung là cháu Nhung và cháu Nguyên cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm thời anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (02 cháu tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng).

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009532 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch (chị P đã nộp đủ án phí). Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

* Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dư C P đối với bị đơn anh Trần H T về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung".

Xử: Cho chị Dư C P được ly hôn với anh Trần H T.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần P Nhung, sinh ngày 24/11/2008 và Trần Khánh Nguyên, sinh ngày 24/05/2011 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (02 cháu tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng).

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung: Chị P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009532 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch (chị P đã nộp đủ án phí). Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Chị P và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau;
- Phòng tư pháp huyện;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Đình Hiền